

Bản án số: 65/2019/HS-ST

Ngày: 29/5/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Hữu Bình và bà Lê Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Doanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 57/2019/HSST ngày 23 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Khắc S, sinh ngày 30/8/1971, tại Tuyên Quang

Nơi cư trú: Tổ 29, phường MX, thành phố T, tỉnh Q; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 12/12; con ông: Trần Khắc N; sinh năm 1938 và bà Đoàn Thị X (đã chết); Vợ con: Không có

* Tiền án: 01 tiền án.

Bản án số 41/2017/HS-ST ngày 04/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xử phạt 09 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản (trị giá 4.560.000đ, chưa chấp hành xong án phí);

* Nhân thân:

- Bản án số 18/2006/HSST ngày 21/3/2006 của Tòa án nhân dân Quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản;

- Bản án số 145/2009/HSST ngày 30/12/2009 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Tuyên Quang, xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

* Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/02/2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt).

* Bị hại:

1/ Anh Phạm Biên Th, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn HH 2, xã V, thành phố T, tỉnh Q. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
2/ Chị Bùi Thị H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn SL 3, xã V, thành phố T, tỉnh Q. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
3/ Anh Trần Văn H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn SL 3, xã V, thành phố T, tỉnh Q. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn HH 2, xã V, thành phố T, tỉnh Q. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong 02 ngày, ngày 04 và 06/12/2018, trên địa bàn thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Trần Khắc S, cư trú tại tổ 29, phường MX, thành phố T đã thực hiện hành vi trộm tài sản, cụ thể như sau:

- Lần 1: Khoảng 02 giờ ngày 04/12/2018, Trần Khắc S đạp xe đạp nhãn hiệu ASAMA màu đỏ của Sơn đi quanh thành phố Tuyên Quang, mục đích xem ai có tài sản dễ sơ hở thì trộm cắp. Khi đến khu vực thôn Hợp Hòa 2, xã Lương Vượng, Sơn nhìn thấy trước nhà anh Phạm Biên Th có 01 xe kéo bánh lốp, khung bằng sắt, quan sát xung quanh thấy không có người, Sơn đi vào lấy chiếc xe kéo buộc cang của xe vào sau xe đạp, rồi đạp xe đạp đi đến khu vực X.300, thuộc tổ 11, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang cất giấu. Khoảng 8 giờ cùng ngày, Sơn mang chiếc xe kéo bán cho một người đàn ông (không biết tên, tuổi, địa chỉ) mua sắt vụn, với số tiền 600.000 đồng. Sau đó, Sơn đã chi tiêu cá nhân hết số tiền này.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 121 ngày 23/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Tuyên Quang, kết luận: 01 xe kéo bằng kim loại bánh lốp, có giá trị là 2.083.300 đồng (hai triệu không trăm tám mươi ba nghìn ba trăm đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Anh Phạm Biên Th yêu cầu bị can Trần Khắc S bồi thường số tiền 2.083.300 đồng. Bị cáo chưa bồi thường.

- Lần 2: Khoảng 06 giờ ngày 06/12/2018, S đạp xe đạp nhãn hiệu ASAMA màu đỏ đi đến khu vực thôn Sông Lô 3, xã An Tường, thành phố Tuyên Quang, S thấy nhà chị Bùi Thị Hi đang xây dựng nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Quan sát xung quanh thấy không có người, S đi vào trong nhà lấy 01 máy uốn sắt mang ra buộc lên xe đạp. Sau đó, Sơn tiếp tục đi sang nhà anh Trần Văn H ở cùng thôn Sông Lô 3, xã An Tường thấy có 14 đoạn sắt hộp kích thước 2x 2,5cm để ở cạnh nhà. S đi vào lấy 14 đoạn sắt hộp buộc vào xe đạp, rồi mang 14 đoạn sắt hộp đến cửa hàng thu mua sắt vụn của bà Phạm Thị Th ở thôn Hợp Hòa 2, xã Lương Vượng, bán cho bà Th với số tiền 120.000đ. Còn chiếc máy uốn sắt, S bán cho một người phụ nữ (không biết tên, tuổi, địa chỉ) mua sắt vụn với số tiền 70.000đ. Toàn bộ số tiền bán sắt và máy uốn sắt, S đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 06/12/2018, Cơ quan điều tra thu giữ: 14 đoạn sắt hộp (kích thước 2 x 2,5cm) có khối lượng 21 kg do bà Phạm Thị Th giao nộp; 01 xe đạp nhãn hiệu ASAMA màu đỏ đã qua sử dụng và 01 đoạn dây cao su dài 360cm do Trần Khắc S giao nộp.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 121 ngày 23/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Tuyên Quang, Kết luận: 01 máy uốn sắt, có giá trị là 523.300 đồng (năm trăm hai mươi ba nghìn ba trăm đồng); 14 đoạn sắt hộp kích thước 2 x 2,5cm có khối lượng 21 kg, có giá trị là 227.500 đồng (hai trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Ngày 27/3/2019 Cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 25, trả lại 14 đoạn sắt hộp trên cho anh Trần Văn H.

Tổng cộng Trần Khắc S đã trộm cắp tài sản, trị giá là 2.834.100đ (*Hai triệu tám trăm ba tư nghìn một trăm đồng*).

Trong quá trình điều tra Trần Khắc S bỏ trốn khỏi nơi cư trú, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang đã ra Quyết định truy nã đối với S. Ngày 25/02/2019, Sơn bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang bắt giữ.

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 59/QĐ-KSĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Trần Khắc S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, kết thúc phần xét hỏi Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo, đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt bị hại anh Phạm Biên Th yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.083.300 (*hai triệu không trăm tám mươi ba nghìn ba trăm nghìn đồng*). Chị Bùi Thị H, anh Trần Văn H không yêu cầu bị cáo bồi thường. Bà Nguyễn Thị Th không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 173; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Khắc S từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 25/02/2019. Về hình phạt bổ sung. Không áp dụng phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu 01 xe đạp nhãn hiệu ASAMA; tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây cao su dài 360cm.

Về dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; 585; 586; 587; 589; 486 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Trần Khắc Sơn bồi thường cho anh Phạm Biên Thùy số tiền 2.083.300 đồng. Chị Bùi Thị Hiền, anh Trần Văn H và bà Phạm Thị Th không đề nghị gì về phần bồi thường dân sự nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo đối với bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo

của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, không có tình tiết gì mới; bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Tuyên Quang; bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Kết thúc phần tranh tụng, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh qua biên bản khám nghiệm, xác minh hiện trường; biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; kết luận định giá tài sản; lời khai của những bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong 02 ngày, ngày 04 và 06/12/2018, trên địa bàn thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Trần Khắc S, đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm tài sản, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng 02 giờ ngày 04/12/2018, Trần Khắc S thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe kéo bánh lốp, khung bằng sắt, trị giá 2.083.300 đồng của anh Phạm Biên Th ở thôn Hợp Hòa 2, xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang;

- Lần 2: Khoảng 06 giờ ngày 06/12/2018, Trần Khắc S thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc máy uốn sắt, trị giá 523.300 đồng của chị Bùi Thị H ở thôn Sông Lô 3, xã An Tường, thành phố Tuyên Quang và 14 đoạn sắt hộp kích thước 2 x 2,5cm khối lượng 21 kg, trị giá 227.500 đồng của anh Trần Văn H ở thôn Sông Lô 3, xã An Tường, thành phố Tuyên Quang.

Tổng trị giá tài sản bị cáo Trần Khắc S trộm cắp là 2.834.100đ (*Hai triệu tám trăm ba tư nghìn một trăm đồng*).

Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp kết luận giám định.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và đã có hành vi lén lút, bí mật trốn tránh sự phát hiện của người quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản của họ. Hành vi của bị cáo được thực hiện dưới hình thức lẩn tránh trực tiếp, mục đích vụ lợi, vì vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm được quy định tại đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Đây là tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về mức án mà Viện kiểm sát đề nghị: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản, gây mất trật tự trị an tại địa phương; bị cáo có nhân thân xấu (Bản án số 18/2006/HSST ngày 21/3/2006 của Tòa án nhân dân Quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 145/2009/HSST ngày 30/12/2009 của TAND thị xã (nay là thành phố) Tuyên Quang, xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy). Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam trong một thời hạn nhất định nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo; giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại cũng như các tính tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Buộc bị cáo Trần Khắc S bồi thường cho anh Phạm Biên Th số tiền 2.083.300đ. Chị Bùi Thị Hiền, anh Trần Văn H và bà Phạm Thị Th không đề nghị gì về phần bồi thường dân sự nên đề nghị HĐXX không xem xét.

[7] Về vật chứng: HĐXX xét thấy bị cáo đề nghị HĐXX sung quỹ Nhà nước 01 (một) xe đạp cũ đã qua sử dụng nhãn hiệu ASAMA bị cáo dùng vào việc Trộm cắp tài sản và tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây co dài 360 cm. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, do vậy HĐXX cần áp dụng.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Căn cứ vào:* Khoản 1 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Khắc S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Trần Khắc S **09** (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 25/02/2019).

- *Căn cứ vào:* Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; 585; 586; 587; 589; 486 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Trần Khắc S phải bồi thường cho anh Phạm Biên Th số tiền 2.083.300đ (Hai triệu không trăm tám mươi ba nghìn ba trăm đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) xe đạp cũ đã qua sử dụng nhãn hiệu ASAMA; màu đỏ, xe có giỏ để hàng phía trước, khung xe bị hoen rỉ, bong tróc sơn. tịch thu tiêu hủy 01 (một) đoạn dây cao su dài 360cm. (Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Tuyên Quang và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang ngày 03/5/2019)

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UNTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điều 106, khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TQ;
- VKS ND thành phố (2 bản);
- Công an thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Sở Tư pháp TQ;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Người tham gia tố tụng ;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Lan

.